

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2023

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Kiều Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Kim Phụng**

Ông Lê Văn Lil

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1983, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 18/8/2023.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn O**, sinh năm 1982, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Văn O tự nguyện chung sống với nhau với nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/8/2008.

Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi thường xuyên cãi vã với nhau do không do tính cách không hợp nên không thể trao đổi, nói chuyện hàn gắn tình cảm với nhau nên dần tình cảm vợ chồng còn. Tôi và anh O đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay và từ khi ly thân đến nay vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với anh O nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh Trần Văn O có 02 con chung tên Trần Thị Ái D, sinh ngày 09/9/2008 và Trần Như Ý, sinh ngày 29/4/2013. Tại đơn khởi kiện tôi yêu cầu được nuôi hai cháu Trần Thị Ái D, sinh ngày 09/9/2008 và Trần Như Ý, sinh ngày 29/4/2013 và không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn O: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh O tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh O vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Trần Văn O. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ái D, sinh ngày 09/9/2008 và Trần Như Ý, sinh ngày 29/4/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; Chị N không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn O, anh O đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Hồng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Trần Văn O đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Văn O.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn O, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Văn O tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/8/2008 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Văn O phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh O tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh O vắng mặt không có lý do thể hiện anh oai không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngày 05/8/2022 chị N đã nộp đơn khởi kiện ly hôn tuy nhiên do muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho các con cũng như tạo điều kiện cho anh O thay đổi nên chị đã rút đơn ly hôn, tuy nhiên chị xác định anh O không thay đổi nên cuộc hôn nhân của anh và chị không hàn gắn được nữa. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Văn O đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Trần Văn O.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Hồng N và anh Trần Văn O có hai con chung tên Trần Thị Ái D, sinh ngày 09/9/2008 và Trần Như Ý, sinh ngày 29/4/2013, khi chị và anh O ly thân các em D và Ý do chị N chăm

sóc. Xét thấy, các em Trần Thị Ái D, sinh ngày 09/9/2008 và Trần Như Ý, sinh ngày 29/4/2013 đều có nguyện vọng ở với chị N và hiện nay chị N đang chăm sóc em rất tốt, nên cần giữ nguyên để đảm bảo cuộc sống ổn định của các em. Do đó, cần tiếp tục giao em Trần Thị Ái D, sinh ngày 09/9/2008 và Trần Như Ý, sinh ngày 29/4/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh Trần Văn O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Chị Nguyễn Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn O, nên chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51; khoản 1 điều 53; 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Hồng N được ly hôn với anh Trần Văn O.

2. Về con chung: Giao các em Trần Thị Ái D, sinh ngày 09/9/2008 và Trần Như Ý, sinh ngày 29/4/2013 cho chị Nguyễn Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Trần Văn O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Hồng N phải chịu. Chị Nguyễn Hồng N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000378 ngày 13/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải
- Chi cục THADS huyện Đông Hải;
- UBND xã Long Điền Đông A;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Kiều Diễm